TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **533**/2026/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 23 tháng 04 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 483/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn L - sinh năm: 1991.

- Chị Trương Thu H - sinh năm: 1993.

ĐKHKTT và chỗ ở: căn hộ chung cư S, tòa Z.1 (I), lô đất F4-CH05, khu đô thị M - Đ - V, phường T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thu H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) ngày 15/12/2017. Anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Anh chị đã ly thân từ giữa năm 2025 đến nay. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: anh L và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Hoàng B – sinh ngày: 17/09/2019 và cháu Nguyễn Trương Phương T – sinh ngày: 28/08/2024. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung: anh L và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh L và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh L và chị H thống nhất để anh L chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, anh L và chị H không có yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thu H.

- Về con chung: anh L và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trương Hoàng B – sinh ngày: 17/09/2019 và cháu Nguyễn Trương Phương T – sinh ngày: 28/08/2024. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Trương Hoàng B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trương Phương T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai cho khi có quyết định khác thay thế.

Anh L, chị H cùng các thành viên gia đình anh L, chị H không được cản trở chị H, anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: anh L và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà không xét.

- Về nợ chung: anh L và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: anh L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, xác nhận anh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 8747 ngày 09/04/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội, nay chuyển thành lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 4 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Hương